

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 02 - 2025

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Quân.

Ông Nguyễn Văn Giáp.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Thoa- Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Văn T, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1964; cư trú tại: Đền T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông T và bà Nguyễn Hồng N tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 11/02/2020. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc, đến tháng 11/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên không còn hạnh

phúc. Ông T và bà N sống ly thân từ tháng 12/2024 cho đến nay. Về hôn nhân: Ông T yêu cầu ly hôn với bà N; về con chung: trong thời gian chung sống ông T và bà N không có con chung, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung, ông T và bà N có nợ chung, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại đơn yêu cầu phản tố do bà Nguyễn Hồng N lập ngày 17/02/2025 và nộp trực tiếp cho Tòa án vào ngày 17/02/2025 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Hồng N trình bày: Bà N và ông T tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định. Bà N và ông T không có con chung. Về tài sản chung: Bà N và ông T không có; về nợ chung: Bà N trình bày bà N và ông T có nợ chung, bà N yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông T thanh toán nợ chung xong thì bà N đồng ý ly hôn.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự bà Nguyễn Hồng N vào ngày 23/12/2024, bà N trình bày: các yêu cầu của anh T theo thông báo thụ lý vụ án số 141/TB - TLVA ngày 07/10/2024 và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 134/TB - TA của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thì bà N không có ý kiến. Riêng đối với tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông T có nợ chung, bà N mượn nợ cho ông T, nếu ông T ly hôn, bà N đề nghị ông T trả hết nợ cho bà N. Bà N xin 01 tuần (07 ngày) tính từ ngày 23/12/2024 để thỏa thuận với ông T và làm đơn phản tố, nếu hết thời gian trên bà N không làm đơn thì Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân: xử cho ông T ly hôn với bà N; về con chung: ông T và bà N không có con chung, không xem xét giải quyết; tài sản chung: các đương sự không yêu cầu, không xem xét giải quyết; về nợ chung: ông T không yêu cầu, bà N có yêu cầu nhưng yêu cầu sau thời gian Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, nên không xem xét trong vụ án này, bà N được quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung trong vụ án khác; buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn đang cư trú tại ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ tranh chấp: nguyên đơn ông Trần Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của ông T. Ông T và bà N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà có thời gian chung sống hạnh phúc, đến tháng 11/2023 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn sâu đậm. Ông T và bà N hiện không chung sống cùng nhau, ông T kiên quyết muốn ly hôn do mâu thuẫn nghiêm trọng, bà N đồng ý ly hôn với ông T. Xét hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu ly hôn của ông T được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: trong thời gian chung sống ông T và bà N không có con chung, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Ông T và bà N xác định không có, không yêu cầu giải quyết, không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Ông T xác định có nợ chung, không yêu cầu giải quyết; bà N có đơn yêu cầu phản tố lập và nộp cho Tòa án vào ngày 17/02/2025, yêu cầu giải quyết nợ chung. Xét yêu cầu phản tố của bà N nộp sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải. Ngoài ra, tại biên bản ghi lời khai bà N vào ngày 23/12/2024, Tòa án đã cho thời gian bà N 01 tuần (07 ngày) tính từ ngày 23/12/2024 để bà N làm đơn yêu cầu phản tố nộp cho Tòa án để Tòa án xem xét khoản nợ chung giữa ông T và bà N, nhưng hết thời hạn theo quy định bà N không có đơn yêu cầu phản tố, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Do đó yêu cầu phản tố xem xét nợ chung của bà N không được giải quyết trong vụ án này là có căn cứ được quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà N được quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia nợ chung với ông T sau khi ly hôn trong một vụ án án. Vì vậy, yêu cầu phản tố của bà N Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N không chịu án phí; ông T phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 200, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

1. Về hôn nhân: cho ông Trần Văn T và bà Nguyễn Hồng N ly hôn.
2. Về con chung: Ông T và bà N không có con chung, không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Ông T và bà N không yêu cầu, không đặt ra xem xét, giải quyết.
4. Về nợ chung: Ông T không yêu cầu, bà N có yêu cầu, nhưng bà N được quyền khởi kiện yêu cầu chia nợ chung sau khi ly hôn với ông T trong vụ án khác, nên không đặt ra xem xét.
5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N không phải chịu án phí; ông T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng ông T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004501 ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, ông T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng.KTNV-THA);
- UBND xã An Thạnh Đông;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Ngoan